

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Thái, bà Vũ Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991; địa chỉ: Đội 4, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 5, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 30/12/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 5/2019 đến nay, không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc Mẫn N sinh ngày 17/10/2017. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng anh kết hôn vào ngày 30/12/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2019 đến nay, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung như chị T trình bày. Hiện nay cháu đang ở với chị T. Nếu ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, vì điều kiện thu nhập của anh mỗi tháng từ 20 đến 30 triệu đồng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn S; về con giao cháu Nguyễn Ngọc Mẫn N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ tuổi, anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ; về án phí chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn, anh S phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh

Nguyễn Văn S. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tính không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Cả hai bên đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa hai bên đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc Mẫn N sinh ngày 17/10/2017. Do cháu N còn nhỏ tuổi nên HĐXX thấy cần giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về mức cấp dưỡng, theo anh S trình bày thì thu nhập hàng tháng của anh khoảng 20 đến 30 triệu đồng, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

[4] Về tài sản: Theo chị T và anh S trình bày thì vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn, anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Ngọc Mẫn N sinh ngày 17/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 (mười

tám) tuổi. Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2018/0005898 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã T, huyện H,
tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến